

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2021/HS-PT
Ngày 04 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng và ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Mỹ Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà
Bà Nguyễn Thị Văn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 4 và ngày 04 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 107/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 9 năm 2020 đối với Nguyễn Khắc D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Khắc D** (tên gọi khác: không), sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn A, xã An Hòa, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; Đoàn thể: Khi phạm tội là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969; có vợ là Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1997 và có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/9/2019 đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo bao gồm:

- Ông Lâm Quang N - Luật sư Văn phòng Luật sư Hùng Phúc thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Ông Mai Tiến D và ông Phan T là Luật sư Văn phòng Luật sư ATV thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị hại: Anh Nguyễn Văn Â, sinh năm 1980; trú tại: thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1987; trú tại: thôn E, xã G, huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Chị Chu Ngọc I, sinh năm 1997; trú tại: Ngõ 5, đường K, phường L, thành phố M, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần N

Địa chỉ: Tầng 14, tòa nhà R, số 14 đường O, quận Ô, thành phố Hà Nội.
Người đại diện: Ông Đỗ Minh P - Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2018, Nguyễn Khắc D cùng vợ là Nguyễn Ngọc I mua xe ô tô tải nhãn hiệu HUYNDAI NEW PORTER, số máy: 480552, số khung: 000877 tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu dịch vụ và thương mại Vĩnh Phúc (Huyndai M) với số tiền 413.000.000đ. Do không đủ tiền mua xe nên vợ chồng D, Anh đã liên hệ với Ngân hàng Thương mại cổ phần N chi nhánh Vĩnh Phúc (Ngân hàng N Bank) vay số tiền 340.000.000đ để mua xe ô tô theo hình thức sử dụng số tiền vay của Ngân hàng N Bank mua xe ô tô, sau đó sử dụng chính xe ô tô này làm tài sản thế chấp cho Ngân hàng đảm bảo cho khoản vay. Sau khi thỏa thuận, Ngân hàng N Bank đồng ý cho vợ chồng Nguyễn Khắc D vay tiền mua xe và có văn bản cam kết đồng ý giải ngân gửi Huyndai M. Nguyễn Khắc D cùng vợ là Nguyễn Ngọc I trả số tiền còn lại cho Huyndai M và mua xe ô tô như đã nêu ở trên. Sau khi mua được xe ô tô, D đến phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Vĩnh Phúc làm thủ tục đăng ký xe ô tô theo quy định. Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã đăng ký và cấp cho Nguyễn Khắc D biển kiểm soát 88C-148.72, 01 đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Khắc D. Ngày 13/9/2018, vợ chồng Nguyễn Khắc D mang đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 bản gốc đến Ngân hàng N Bank và ký kết hợp đồng cho vay kiêm thế chấp xe ô tô số 297 vay số tiền 355.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng (bao gồm

số tiền 340.000.000đ vay mua xe ô tô chuyển vào tài khoản của Huyndai M và 15.000.000đ vay thanh toán chi phí bảo hiểm khoản vay) chuyển vào tài khoản của Công ty bảo hiểm toàn cầu Hồ Chí Minh. Tại điều khoản chung của hợp đồng đã nêu rõ: Vợ chồng Nguyễn Khắc D không được bán, tặng, cho thuê, cho mượn, đổi, thế chấp, cầm đồ, cầm cố hoặc dùng tài sản đảm bảo để bảo đảm cho bất cứ nghĩa vụ nào dưới bất cứ một hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng N Bank, nếu vi phạm thì tài sản đảm bảo sẽ bị xử lý để thu hồi nợ theo phương thức xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng N Bank. Vợ chồng Nguyễn Khắc D, Nguyễn Ngọc I đồng ý rồi giao bản gốc đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 cho Ngân hàng N Bank giữ, Ngân hàng N Bank giao cho vợ chồng Nguyễn Khắc D bản sao đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 và xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 để sử dụng đồng thời thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi hàng tháng như cam kết trong hợp đồng. Vợ chồng Nguyễn Khắc D thực hiện nghĩa vụ trả gốc, lãi hàng tháng cho ngân hàng N Bank từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2019 sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, tính đến thời điểm ngày 26/01/2019 vợ chồng Nguyễn Khắc D còn nợ Ngân hàng N Bank 323.194.445đ tiền gốc.

Quá trình sử dụng xe ô tô biển kiểm soát 88C - 148.72, đến tháng 10/2018 thì D nảy sinh ý định làm giả đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 để sử dụng. Nguyễn Khắc D sử dụng tài khoản facebook của D có tên “D Tương” để lên mạng xã hội facebook, sau đó D liên hệ tài khoản facebook “Tiên Long” thuê làm giả đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 với giá 1.500.000đ. Nguyễn Khắc D đã chụp ảnh bản sao đăng ký xe biển kiểm soát 88C-148.72 cung cấp cho người làm giả giấy tờ, sau đó khoảng một tuần D nhận được đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 giả có hình thức giống như đăng ký xe thật và D giữ đăng ký giả này để sử dụng. Đến tháng 12/2018, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên D nảy sinh ý định đem xe ô tô biển kiểm soát 88C - 148.72 cùng giấy đăng ký xe giả để cầm cố vay tiền chi tiêu cá nhân. D mang xe ô tô biển kiểm soát 88C - 148.72 cùng đăng ký xe ô tô giả đến gặp anh Nguyễn Văn Â để vay tiền nhưng anh Â không đồng ý mà thỏa thuận với D nếu bán xe thì anh Â mua. D đồng ý bán xe ô tô biển kiểm soát 88C - 148.72 cho anh Â và giao cho anh Â xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72, giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 giả, 01 giấy đăng kiểm xe, 02 giấy chứng nhận bảo hiểm bản phô tô; anh Â kiểm tra xe ô tô và các giấy tờ thấy thông tin trùng khớp nhau nên thỏa thuận mua chiếc xe ô tô trên với giá 260.000.000đ. Do anh Â không có tiền trả cho D một lần nên đã trả tiền cho D làm 04 lần. Cụ thể: Lần 01 là 100.000.000đ; lần 02 là 40.000.000đ; lần 03 là 70.000.000đ và lần 04 là 50.000.000đ. Sau khi trả đủ số tiền 260.000.000đ cho D, anh Â thỏa thuận với D

là anh A chỉ có nhu cầu sử dụng xe trong vòng 02 tháng; sau tết nếu D mua lại anh A sẽ bán lại cho D với giá 300.000.000đ. Do vậy, anh A yêu cầu D viết giấy bán xe ô tô cho anh A ghi nội dung bán với số tiền 300.000.000đ. Khoảng đầu tháng 3/2019 (sau tết), anh A gọi điện nhưng D không nghe máy, anh A nhắn tin hỏi D có mua lại xe ô tô không thì D nhắn tin bảo anh A cứ bán xe đi. Sau đó, anh A bán chiếc xe biển kiểm soát 88C - 148.72 cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ ở thôn E, xã G, huyện H, tỉnh Vĩnh Phúc với số tiền 340.000.000đ. Anh A nhận đủ số tiền đồng thời giao xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72, đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72, giấy đăng kiểm xe, giấy chứng nhận bảo hiểm mà D đã giao cho anh A trước đây cho chị Đ. Sau đó, khi chị Đ làm thủ tục sang tên thì phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 hiện đang thế chấp tại Ngân hàng và đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C - 148.72 mà anh A đưa cho chị Đ là giả nên thông báo lại cho anh A biết. Sau đó, anh A liên hệ với D thông báo đã bán xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 nhưng xe chưa xóa thế chấp tại Ngân hàng và thỏa thuận trả cho D 20.000.000đ để D làm thủ tục xóa thế chấp tại Ngân hàng nhưng chỉ đưa trước 10.000.000đ, khi nào làm xong sẽ đưa thêm 10.000.000đ, D đồng ý việc bán xe và nhận tiền. Do bận việc nên anh A đưa số tiền 10.000.000đ cho anh Trương Anh A ở thôn Nhân Mỹ, xã C, huyện A (là em rể của anh Nguyễn Văn A) và nhờ chuyển cho D, sau đó D đã nhờ người đến gặp anh Trương Anh A nhận số tiền 10.000.000đ. Do D vẫn không hoàn thiện thủ tục xóa thế chấp tại Ngân hàng như đã thỏa thuận, ngày 22/3/2019, anh Trương Anh A tìm được D và đưa đến quán karaoke Tigon đồng thời thông báo cho anh Nguyễn Văn A biết, khi anh A đến quán thì yêu cầu D trả lại tiền nhưng D không có tiền trả, gọi gia đình D đến trả tiền thay D nhưng gia đình D không trả thay nên đã làm đơn trình báo cơ quan Công an huyện A giải quyết.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Khắc D khai nhận: Sau khi mua được đăng ký xe ô tô giả, D mang đăng ký xe ô tô giả và xe ô tô đến gặp anh Nguyễn Văn A để vay tiền nhiều lần, D cung cấp thông tin cho anh A là xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 là tài sản của D, xe có đầy đủ giấy tờ hợp pháp đồng thời đưa đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 88C- 148.72 giả cho anh A xem, nhưng anh A không phát hiện đăng ký xe ô tô là giả và xe ô tô đang thế chấp tại Ngân hàng nên đồng ý cho D vay tiền với thỏa thuận lãi xuất 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Lần 01 vay 100.000.000đ, anh A cắt lãi trước 10 ngày = 3.000.000đ và yêu cầu D viết 02 tờ giấy gồm: Giấy vay tiền số tiền 100.000.000đ của A và giấy bán xe biển kiểm soát 88C - 148.72 cho A với giá 100.000.000đ. D biết việc viết giấy vay tiền và giấy bán xe ô tô nêu trên nghĩa là nếu D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận thì anh A sẽ lấy xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72, D đồng ý và viết 02 loại giấy trên giao cho anh A giữ và đã nhận đủ 97.000.000đ từ anh

Â. Sau đó, khoảng 07 ngày sau, D vay thêm 70.000.000đ của anh Â; khoảng 10 ngày sau đó, D vay thêm 40.000.000đ của anh Â (cả 02 lần này D đều nhận đủ số tiền, anh Â không cắt lãi, không yêu cầu D phải viết giấy tờ gì). Đến ngày 03/02/2019, D hỏi vay anh Â thêm 50.000.000đ nhưng anh Â không đồng ý mà chỉ cho D vay thêm 20.000.000đ, D đồng ý vay và nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng. Lúc này, tổng số tiền gốc D vay của anh Â là 230.000.000đ, anh Â cộng lãi ngày tính đến 03/02/2019 tổng là 20.000.000đ nhập vào gốc nên anh Â hủy giấy vay tiền, giấy bán xe D viết khi vay lần đầu, yêu cầu D viết giấy vay với số tiền 250.000.000đ và giấy bán xe ô tô với giá 250.000.000đ; D đồng ý và viết hai loại giấy trên giao cho anh Â giữ. Đến đầu tháng 3/2019, D không đóng lãi cũng không trả gốc cho anh Â như đã cam kết; anh Â gọi điện giục thì D khất xin chậm rồi tắt máy. Một thời gian sau khi D mở điện thoại thì nhận được tin nhắn của anh Â thông báo nội dung đã bán xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 với giá 300.000.000đ trừ tiền gốc 250.000.000đ và lãi tính đến thời điểm bán xe ô tô là 32.000.000đ, D còn dư 18.000.000đ và bảo D đến lấy hoặc để anh Â chuyển khoản. D liên hệ với anh Â và đồng ý nhận số tiền dư từ việc bán xe ô tô nêu trên. D thuê xe taxi đến chỗ anh Â lấy tiền dư nhưng anh Â chỉ trả cho D 10.000.000đ, số tiền còn lại anh Â nói sẽ trả cho D sau khi hoàn thiện thủ tục sang tên đăng ký xe cho người mua xe. D đồng ý và hẹn đến quán karaoke Tigon ở xã C, huyện A để nhận tiền. D thuê taxi đến quán karaoke Tigon, tại đây D nhờ lái xe taxi vào gặp anh Trương Anh A là chủ quán để nhận số tiền 10.000.000đ, số tiền này D chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 22/3/2019, khi D đang ở thành phố M thì gặp nhóm người gồm anh Trương Anh A, Trương Việt Hùng và Nguyễn Văn Lanh cùng trú tại thôn Nội Điện, xã An Hòa, huyện A thì D bị Trương Anh A dùng chân đá vào người và thông báo việc D sử dụng giấy tờ xe ô tô giả lừa anh Nguyễn Văn A và bảo D về quán Karaoke Tigon để gặp anh Nguyễn Văn A giải quyết việc nợ tiền, D tự nguyện lên xe ô tô về quán karaoke Tigon. Tại đây, D gặp anh Nguyễn Văn A, anh A thông báo cho D biết việc đăng ký xe ô tô là giả, xe ô tô đang thế chấp tại Ngân hàng nên người mua xe ô tô không làm thủ tục sang tên được, anh A yêu cầu D giải quyết. Anh A tính số tiền gốc và lãi mà D còn nợ anh là 300.000.000đ nên yêu cầu D viết 01 giấy vay tiền, 01 giấy bán xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 cho anh A với giá 300.000.000đ, trong giấy ghi ngày 02/02/2019. D thấy số tiền nợ là đúng nên đồng ý và tự nguyện viết 02 giấy tờ nêu trên và giao cho anh Nguyễn Văn A giữ, sau đó có một nhóm nam thanh niên lạ mặt đến quán và dùng chân tay không lao vào đánh D, làm D bị thương, chảy máu ở chân bên trái, bị thâm tím mặt và một số vùng trên cơ thể, sự việc được mọi người can ngăn. Anh Nguyễn Văn A yêu cầu D liên hệ về gia đình để nhờ người nhà giúp trả nợ nếu không sẽ

báo Công an, D liên hệ với gia đình và tự nguyện ở lại quán karaoke Tigon đợi nhưng người nhà D không giúp trả nợ, đến buổi tối cùng ngày anh Nguyễn Văn Á đưa D đến cơ quan Công an huyện Á trình báo sự việc.

Tại bản kết luận giám định số 671/KLGD ngày 20/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô trên có in nội dung: Số 034736, biển số đăng ký 88C-148.72, mang tên Nguyễn Khắc D, do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/9/2018 gửi giám định là giả.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 548/TgT ngày 11/12/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Nguyễn Khắc D là 02%. Do thương tích nhẹ, Nguyễn Khắc D có đơn đề nghị không khởi tố vụ án hình sự và không yêu cầu về dân sự.

Vật chứng vụ án: 01 xe ô tô biển kiểm soát 88C-184.72, màu sơn xanh dương; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 6882724: Là tài sản do Nguyễn Khắc D cùng vợ là Nguyễn Ngọc I mua sau đó thế chấp tại Ngân hàng N Bank chi nhánh Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Khắc D, chị Nguyễn Ngọc I và Ngân hàng N Bank đã thống nhất giải quyết bàn giao xe ô tô cho Ngân hàng N Bank để các bên tự giải quyết. Cơ quan điều tra đã bàn giao xe ô tô biển kiểm soát 88C-148.72 và giấy chứng nhận kiểm định cho Ngân hàng N Bank. Nay Ngân hàng N Bank không có yêu cầu gì.

- 02 giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự đã hết hạn sử dụng.

- 01 đăng ký xe ô tô giả số 030949, biển số đăng ký 88C-148.72, mang tên Nguyễn Khắc D.

- Số tiền 30.000.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn Á yêu cầu Nguyễn Khắc D trả lại cho anh số tiền 260.000.000đ mà D chiếm đoạt của anh Á.

Chị Nguyễn Thị Hồng Đ yêu cầu anh Nguyễn Văn Á trả cho chị Đ số tiền 340.000.000đ, anh Á đã trả cho chị Đ số tiền 60.000.000đ, chị Đ yêu cầu anh Á tiếp tục trả cho chị số tiền còn lại là 280.000.000đ.

Với nội dung trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2020/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Á đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Khắc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Khắc D 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Khắc D phải chấp hành

hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (Mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 25/9/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Buộc bị cáo Nguyễn Khắc D phải trả lại cho anh Nguyễn Văn A 260.000.000đ. Xác nhận bị cáo Nguyễn Khắc D đã nộp cho Cơ quan điều tra 30.000.000đ để trả cho anh A. Do vậy Nguyễn Khắc D còn phải trả tiếp cho anh A 230.000.000đ

- Buộc anh Nguyễn Văn A phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng D 340.000.000đ. Xác nhận anh A đã trả cho chị D 60.000.000đ. Anh A còn phải trả tiếp cho chị D 280.000.000đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 8 năm 2020 bị cáo Nguyễn Khắc D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và đề nghị xem xét lại tội danh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với lý do bị cáo chỉ vi phạm cam kết đối với Ngân hàng trong việc sử dụng tài sản là xe ô tô BKS 88C-184.72, không có hành vi gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn A. Tại phiên tòa phúc thẩm trong phần thủ tục tranh tụng bị cáo Nguyễn Khắc D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Khắc D; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Khắc D về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật, tuy nhiên điều luật áp dụng và mức hình phạt chưa phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, các Luật sư bào chữa có quan điểm khác nhau; cụ thể đó là:

- Luật sư Mai Tiến Dũng cho rằng: Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm chỉ dựa vào giấy bán xe, dựa vào lời khai của bị hại, không tiến hành trích xuất camera quan karaoke, không tiến hành giám định tuổi mực giấy bán xe đã xác định bị cáo Nguyễn Khắc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là chưa xem xét khách quan, toàn diện các chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội đối với bị cáo; quá trình điều tra còn nhiều vi phạm tố tụng, cấp phúc thẩm không thể sửa chữa,

khắc phục được. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

- Luật sư Lâm Quang Ngọc có quan điểm: Bị cáo Nguyễn Khắc D sử dụng giấy đang ký xe giả đem cầm cố lấy tiền là vi phạm pháp luật; tuy nhiên bị cáo D chỉ nhận của anh A 230.000.000đ, bị anh A cắt lãi 3.000.000đ chỉ còn lại 237.000.000đ, đã trả lại 30.000.000đ, vì vậy số tiền thực tế bị cáo chiếm đoạt là 197.000.000đ. Do đó trường hợp nếu bị cáo Nguyễn Khắc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì phạm vào điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết: Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Ngoài ra cấp sơ thẩm có dấu hiệu của bỏ lọt hành vi phạm các tội: Bắt giữa người trái pháp luật; cố ý gây thương tích và cưỡng đoạt tài sản với bị hại là Nguyễn Khắc D và người thực hiện hành vi phạm tội là nhóm người của Nguyễn Văn A, Trương Anh A; Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai tư cách người tham gia tố tụng là bị hại không phải anh A, thực chất bị hại là chị D...những tồn tại này cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Luật sư Phan Thiết có quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Khắc D sử dụng giấy tờ giả cầm cố xe lấy tiền mà không trả đúng hạn là vi phạm pháp luật, cần phải xử lý. Tuy nhiên việc các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm xử lý Nguyễn Khắc D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không đúng quy định của pháp luật. Bị cáo D cầm cố xe lấy tiền của anh A là nhận được tài sản của người khác hợp pháp, đến thời hạn phải trả theo thỏa thuận mà không trả là hành vi lạm dụng tín nhiệm, chiếm đoạt tài sản. Vì vậy cần xử lý bị cáo Nguyễn Khắc D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” thì phù hợp pháp luật. Cấp sơ thẩm có vi phạm về tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Bị cáo Nguyễn Khắc D có quan điểm hoàn toàn đồng ý với luận cứ do Luật sư bào chữa đưa ra, không có bào chữa bổ sung gì. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm trở lại việc xét hỏi thì bị cáo Nguyễn Khắc D có quan điểm thừa nhận việc cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã điều tra, truy tố, xét xử bị cáo về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai. Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ đề nghị xem xét về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sang xin giảm nhẹ hình phạt về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Sau khi bị cáo Nguyễn Khắc D có quan điểm thừa nhận việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ, đúng pháp luật và thay đổi nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Khắc D từ 09 tháng đến 12 tháng tù về cả hai tội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bị cáo tại phiên tòa, do bị cáo Nguyễn Khắc D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Khắc D trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị hại, người liên quan đến tham dự phiên tòa nhưng họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Luật sư bào chữa cho bị cáo cung cấp và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm một số tài liệu mới liên quan đến lời khai bị hại, người liên quan. Do đó Hội đồng xét xử đã có văn bản yêu cầu cơ quan Viện kiểm sát xem xét những nội dung liên quan đến lời khai của bị hại, người liên quan do Luật sư cung cấp. Trên cơ sở yêu cầu của Hội đồng xét xử, cơ quan điều tra đã tiến hành ghi lại lời khai của bị hại, người liên quan theo yêu cầu của Luật sư bào chữa cho bị cáo. Sau khi xem xét các tài liệu do cơ quan điều tra cung cấp, Hội đồng xét xử thấy các tài liệu bổ sung này hoàn toàn phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập trước đó. Do vậy việc vắng bị hại, người liên quan tại phiên tòa không ảnh hưởng đến xét xử theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Khắc D.

[3] Về nội dung: Tại cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Khắc D khai nhận toàn bộ hành vi dùng thủ đoạn gian dối là dùng giấy tờ giả xe ô tô của bị cáo đã thế chấp bán xe này để chiếm đoạt số tiền 260.000.000đ của bị hại Nguyễn Văn A. Sau đó bị cáo Nguyễn Khắc D đã thay đổi một phần lời khai, D khẳng định D chỉ cầm cố xe ô tô BKS 88C - 148.72 cho anh Nguyễn Văn A để vay của anh A tổng số tiền là 230.000.000đ, anh A cắt lãi cho lần vay 100.000.000đ là 3.000.000đ. Đến ngày 03/02/2019, anh A tính cả gốc và lãi là 250.000.000đ. Anh A yêu cầu D viết giấy bán xe và giấy vay tiền với số tiền là 250.000.000đ,

thực chất Nguyễn Khắc D không bán chiếc xe ô tô BKS 88C - 148.72 cho anh Nguyễn Văn Â. Việc D viết giấy bán xe ô tô cho anh Â là theo yêu cầu của anh Â. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của chính bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập được thu thập khách quan đúng pháp luật trong quá trình điều tra và kết hợp với việc tranh tụng tại phiên tòa, từ đó có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Nguyễn Khắc D và chị Nguyễn Ngọc I (vợ bị cáo) sở hữu chiếc xe ô tô tải BKS 88C-148.72 và thế chấp xe ô tô này tại Ngân hàng N Bank để đảm bảo cho khoản vay 355.000.000đ. Ngân hàng N Bank giữ đăng ký xe ô tô BKS 88C-148.72 bản gốc và giao cho vợ chồng Nguyễn Khắc D bản sao đăng ký xe ô tô BKS 88C-148.72 cùng xe ô tô BKS 88C-148.72 để sử dụng. Nguyễn Khắc D và vợ cùng ký bản cam kết tại điều khoản chung của hợp đồng là không được bán, tặng, cho thuê, cho mượn, đổi, thế chấp, cầm đồ, cầm cố hoặc dùng tài sản đảm bảo để bảo đảm cho bất cứ nghĩa vụ nào dưới bất cứ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng N Bank. Tháng 10/2018, Nguyễn Khắc D đã thuê người làm giả giấy đăng ký xe ô tô BKS 88C - 148.72 để sử dụng. Tháng 12/2018, Nguyễn Khắc D nảy sinh ý định sử dụng giấy đăng ký xe ô tô BKS 88C-148.72 giả cùng xe ô tô BKS 88C-148.72 đi cầm cố để vay tiền chi tiêu cá nhân. Nguyễn Khắc D dùng thủ đoạn gian dối là cung cấp thông tin không đúng sự thật về nguồn gốc xe ô tô, giấy tờ xe ô tô và sử dụng giấy tờ xe ô tô giả để lừa vay tiền của anh Nguyễn Văn Â, nhưng anh Â không đồng ý cho cầm cố mà chỉ đồng ý mua xe của D. Quá trình thỏa thuận, Nguyễn Khắc D đồng ý bán xe cho anh Â với số tiền 260.000.000đ và đồng ý viết giấy bán xe ô tô BKS 88C-148.72 cho anh Nguyễn Văn Â với số tiền 300.000.000đ. Số tiền có được D đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Khi anh Â bán xe ô tô này cho chị Đ thì phát hiện ra xe được thế chấp Ngân hàng và giấy đăng ký là giả đã yêu cầu D trả tiền Ngân hàng. D không trả tiền cho Ngân hàng lấy giấy tờ gốc và có khả năng trả lại tiền cho anh Â, nên anh Â đã trình báo Công an huyện A giải quyết.

Các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, căn cứ vào nhân thân của bị cáo và giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt để điều tra, truy tố, xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật không oan sai.

Về tính chất của vụ án là tội phạm rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và trật tự quản lý hành chính được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa

phương. Do vậy cần xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng, phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh trật tự tại địa phương và làm gương cho người khác.

[4] Xét về những quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Khắc D vay tiền Ngân hàng mua xe ô tô, bị cáo đã cam kết với Ngân hàng không được chuyển nhượng hoặc dùng xe ô tô này đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Ngân hàng. Tuy nhiên vì mục đích muốn có tiền tiêu sài cá nhân, bị cáo đã thuê người làm giả đăng ký xe ô tô và sử dụng xe ô tô cùng đăng ký xe giả này lừa dối chiếm đoạt tiền của anh A. Hành vi sử dụng xe ô tô đã thế chấp Ngân hàng và sử dụng đăng ký xe do bị cáo thuê làm giả làm bị hại tin xe của bị cáo đang sử dụng cùng đăng ký là hợp pháp để tự nguyện giao tiền cho bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và số tiền cụ thể bị cáo chiếm đoạt để xét xử theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng hành vi của bị cáo cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và giá trị tài sản thiệt hại chỉ có 197.000.000đ là không có căn cứ.

Tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện rõ bị cáo khai báo hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của bị hại, bị cáo, người liên quan đã được cơ quan điều tra tiến hành đối chất và kết quả đối chất các bên vẫn giữ nguyên quan điểm; Bị cáo có bị thương tích sau đó viết đơn không đề nghị khởi tố; bản tường trình thể hiện rõ không bị ép buộc mà tự nguyện về quán karaoke giải quyết việc mua bán xe với bị hại; bị cáo và vợ bị cáo có bản cam kết tự nguyện giao xe cho Ngân hàng để xử lý số tiền vay nợ theo quy định của pháp luật....Do đó Bị cáo và Luật sư bào chữa cho rằng bị cáo khai không đúng sự thật vì bị ép buộc; mâu thuẫn chưa tiến hành đối chất; không giải quyết việc bị cáo bị thiệt hại về sức khỏe; bị vi phạm quyền tự do thân thể; việc xử lý xe ô tô là vật chứng của vụ án chưa đúng pháp luật là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập có đủ cơ sở xác định bị cáo dùng đăng ký xe ô tô giả thực hiện hành vi gian dối làm bị hại tin tự nguyện giao 260.000.000đ nên việc trích xuất camera tại quán hát; giám định tuổi mực giấy bán xe là không cần thiết.

Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng bị hại trong vụ án thấy rằng: Nguyễn Khắc D dùng xe ô tô đã thế chấp Ngân hàng và sử dụng đăng ký giả thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Văn A, do đó

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị hại Nguyễn Văn Â là đúng pháp luật; Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng bị hại là chị Đ là không đúng pháp luật vì bị cáo không thực hiện hành vi gian dối với chị Đ, chị Đ chỉ là người mua lại xe của anh Â với giá 340.000.000đ và nếu xác định chị Đ là bị hại thì lại mâu thuẫn với chính quan điểm của Luật sư cho rằng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 197.000.000đ. Vì vậy quan điểm của Luật sư bào chữa không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án kết hợp với việc tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định: Nguyễn Khắc D đã vay tiền và thế chấp xe tại Ngân hàng, phía Ngân hàng giữ bản gốc đăng ký xe và giao xe ô tô cùng với bản sao đăng để bị cáo sử dụng kèm theo các điều kiện là không được mua bán, tặng cho hoặc chuyển quyền sử dụng xe dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của Ngân hàng. Bị cáo là người có nhận thức và hiểu biết rõ về pháp luật (do trước khi phạm tội bị cáo đã công tác trong cơ quan bảo vệ pháp luật) vì mục đích vụ lợi, bị cáo thuê người làm giả đăng ký xe ô tô rồi sử dụng xe ô tô cùng giấy tờ giả lừa dối anh Â lấy tiền tiêu sài cá nhân. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về các tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng pháp luật nên toàn bộ quan điểm của bị cáo và Luật sư không được chấp nhận.

[5] Xét về thay đổi nội dung kháng cáo từ xem xét lại tội sang xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu sài cá nhân, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật sử dụng giấy tờ xe ô tô giả để chiếm đoạt tiền của bị hại. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, nhân thân của bị cáo và giá trị tài sản bị chiếm đoạt để xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” đều trên mức khởi điểm do điều luật quy định cho cả hai tội là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật, tương xứng với hành vi do bị cáo thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo hoàn toàn khai nhận rõ hành vi đã thực hiện và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, không oan sai. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới để Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình. Xét thấy bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ đó là: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả; Gia đình bị cáo là người có công với nước được tặng thưởng nhiều huân huy chương; bản thân bị cáo trong thời gian công tác có thành tích được cấp có thẩm quyền nhiều lần khen thưởng. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt tù cho bị cáo, đây cũng là cơ hội để bị cáo yên tâm

cải tạo sớm hoàn lương. Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản xử mức hình phạt khởi điểm do điều luật quy định; còn hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức thì áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định mức hình phạt dưới khung do pháp luật quy định vì đây là phương thức thực hiện hành vi lừa đảo.

[6] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Khắc D là có căn cứ, cần chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí hình sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Khắc D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Khắc D; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2020/HS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Khắc D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Khắc D 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Khắc D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 25/9/2019.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Khắc D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Phòng Hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện A;
- TAND huyện A;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện A;
- Chi cục THA huyện A;
- Bị cáo;
- Lưu HS, Văn phòng, Toà Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn